

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIM BẢNG  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/01/2022

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Nguyệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Trần Ngọc Luân.

+ Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Hiền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị An - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXX- HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thu H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt

Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn ly hôn và quá trình xét xử, chị Phạm Thu H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tháng 9 năm 2005 tại UBND thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Quá trình chung sống vợ chồng sống hoà thuận hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên uống rượu và

chửi bới, đánh đập chị. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng vẫn không đem lại kết quả, ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết được ly hôn với anh D.

Tại bản tự khai đề ngày 30/11/2021 và ý kiến tại các biên bản hoà giải anh Phạm Văn D là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng đúng như chị H trình bày. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H. Trường hợp chị H vẫn cố tình xin ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Phạm Văn D khai thống nhất vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 12/10/2007, cháu Phạm Minh C, sinh ngày 02/5/2013 và cháu Phạm Minh T, sinh ngày 14/5/2016. Chị H xin được nuôi cả ba cháu không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, Anh D yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung: Chị H, anh D thống nhất tự thỏa thuận, giải quyết phân chia với nhau không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp, công nợ: Không có.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của Phạm Thu H. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thu H và anh Phạm Văn D. Về con chung: Giao cháu Phạm Minh C, sinh ngày 02/5/2013 và cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 12/10/2007 cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Phạm Minh T, sinh ngày 14/5/2016 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Phạm Thu H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Văn D là bị đơn; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thu H và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau là tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh D uống rượu và thường xuyên chửi bới, đánh đập chị H. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hoà giải nhưng vẫn không đem lại kết quả, Vợ chồng sống ly thân nhau và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu tháng 11/2021 cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Qua tài liệu xác minh, lời thừa nhận của đương sự thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn anh D là có căn cứ phù hợp với quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thu H và anh Phạm Văn D có 03 con chung là cháu Phạm Thị Kim N, sinh ngày 12/10/2007, cháu Phạm Minh C, sinh ngày 02/5/2013 và cháu Phạm Minh T, sinh ngày 14/5/2016, cả 03 cháu ở với chị H từ khi vợ chồng sống ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, chị H xin được nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị H xin nuôi 01 con là cháu T vì hiện tại chị không có chỗ ở, mức thu nhập không ổn định. Anh D đề nghị giải quyết theo pháp luật, trường hợp anh được nuôi 02 cháu anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy khi ly hôn chị H và anh D không tự thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con đảm bảo tốt về mọi mặt, thấy anh D có chỗ ở ổn định và có mức thu nhập ổn định hơn chị H do vậy giao cháu cháu Phạm Thị Kim N và cháu Phạm Minh C cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Phạm Minh T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh D theo sự tự nguyện của anh D là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Về con riêng: Không có.

[4] Về tài sản chung: Không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 ; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Phạm Thu H và anh Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Phạm Thị Kim N, cháu Phạm Minh C cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Giao cháu Phạm Minh T cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Phạm Thu H chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000022 ngày 22/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị H đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thu H và anh Phạm văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND TT B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thị Nguyệt**